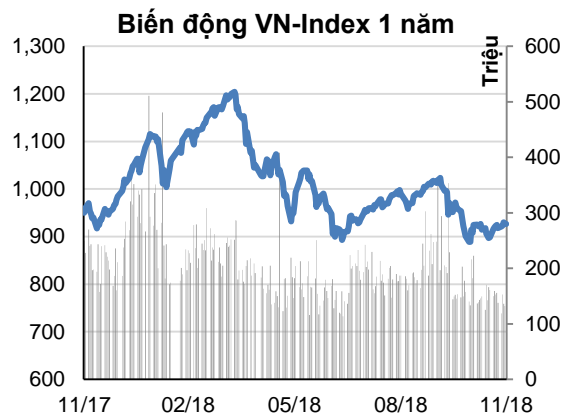


Biến động thị trường

	30/11	1T (%)	3T (%)
VN Index	927	1.3%	-6.4%
GTGD	4,089	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-13	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Trái phiếu và Hàng hóa

	30/11	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.150%	4.400%	4.195%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.407%	4.665%	4.513%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.188%	5.213%	5.238%
Dầu WTI (\$/thùng)	51.15	65.31	69.8
Vàng (\$/oz)	1,223	1,215	1,201

Nguồn: Bloomberg

Phạm Tấn Phát

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1468

phat.pt@kisvn.vn

www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464

hieu.ttm@kisvn.vn

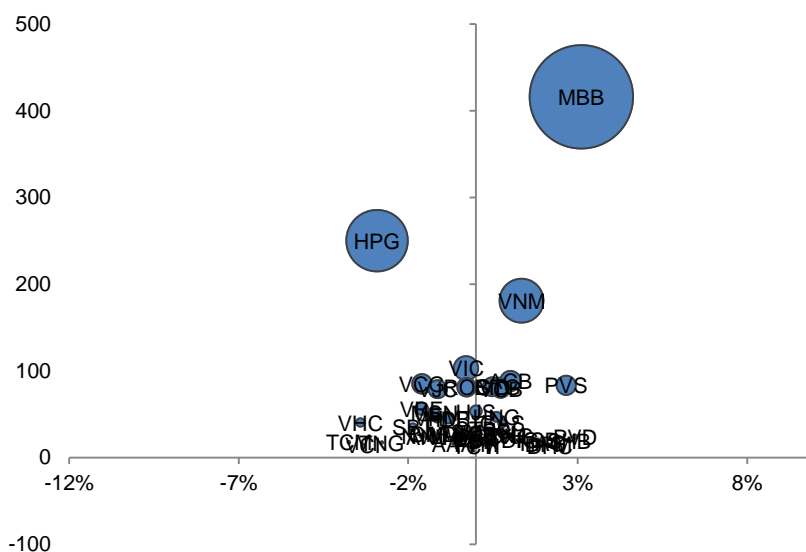
www.kisvn.vn

Thị trường rung lắc

- Thị trường chứng khoán tiếp tục đóng cửa trong sắc đỏ khi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn phân hóa. VN-Index đóng cửa hầu như không đổi tại mức 927 điểm với thanh khoản đạt 128 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 2,858 tỷ đồng giá trị.
- Độ rộng thị trường tỏ ra khá cân bằng với số lượng mã tăng và giảm gần bằng nhau, 147 mã tăng và 125 mã giảm. Chỉ số VN30-Index giảm 0.31% trong khi chỉ số VNMid-Index và VNSmall-Index lại tăng trưởng 0.25% và 0.20%.
- Ngân hàng và dầu khí dẫn dắt xu hướng với tâm điểm từ GAS, PVD, PVS, MBB, VCB, BID và CTG. Thêm vào, DPM, VNM, SSI, PNJ, PLX và BVH duy trì đà tăng nhờ dòng tiền chảy vào.
- Chiều ngược lại, bất động sản có diễn biến tiêu cực với VHM (-1.1%), VRE (-1.6%), NVL (-1.6%). Trong khi đó, GMD, HPG, MSN, REE, SBT và VJC thuộc rổ VN30 giảm mạnh trên 1%.
- Khối ngoại quay lại bán ròng trên sàn HSX với giá trị 13 tỷ đồng. Khối này bán mạnh các mã HPG, VIC và GAS với giá trị 77 tỷ đồng, 60 tỷ đồng và 21 tỷ đồng. Ở chiều còn lại, VNM, BID và GMD được mua vào nhiều nhất.

Nhận định thị trường: Tâm lý thị trường trở nên thận trọng khi thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp. Theo quan điểm kỹ thuật, vùng đỉnh ngắn hạn trong tháng 11/2018, 930-935 điểm đang là kháng cự. Vì thế, nhà đầu tư cần thận trọng và ưu tiên việc quản trị rủi ro khi xu hướng giảm chiếm ưu thế trong khung thời gian lớn.

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 880-890

Kháng cự 1: 932-950

Hỗ trợ 2: 800-810

Kháng cự 2: 1,070-1,080

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày - VN-Index



VN-Index có phiên hồi nhẹ từ đường MA (5) tương ứng quanh ngưỡng 925 điểm. Khối lượng cải thiện trong phiên hôm nay nhưng chủ yếu đến từ giao dịch đốt biến trên sàn của MBB.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), chỉ số đang gặp khó tại ngưỡng kháng cự 935 điểm tương ứng với ngưỡng 38.2% Fibonacci Retracement và biên trên của Bollinger Bands. Đây sẽ là ngưỡng cản kỹ thuật cho nhịp hồi phục của chỉ số. Ngoài ra, chúng tôi dự phóng mục tiêu của nhịp hồi phục hình thành từ đầu tháng 11 là vùng 932-950 điểm. Tín hiệu giảm điểm của phiên thứ 5 đang là tín hiệu cảnh báo. Các chỉ báo kỹ thuật đã suy yếu rõ nét hơn trong phiên hôm nay khi RSI suy yếu và đang tiệm cận đường MA (10) của chỉ báo.

Ở góc độ trung hạn, xu hướng trung hạn đang là điều chỉnh khi chỉ số phá vỡ đường trendline trung hạn đồng thời cũng đã hoàn tất mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) hình thành từ đầu tháng 06/2018. Kháng cự trung hạn cho VN-Index tương ứng vùng 950 điểm hay trendline vẽ từ 2016.

Hành động

VN-Index được neo giữ được trên MA (5) tương ứng vùng quanh 925 điểm. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý tới tín hiệu cảnh báo hình thành phiên thứ 5. Vì vậy, nhà đầu tư cần trọng trong hoạt động giải ngân mới cũng như tận dụng nhịp tăng để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn (tỷ trọng cổ phiếu ở mức 30%).

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm			
VN-Index	927	-0.25	0.0%	SL CP tăng giá	147		
KLGD ('000 cổ phiếu)	158,587	26,768	20.3%	SL CP giảm giá	125		
GTGD (tỷ VND)	4,089	1,133	38.3%	SL CP không đổi	101		

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
VNM	128,000	1,700	0.93	VHM	77,800	-900	-0.942	MBB	21,550	19.57	416.2
VCB	55,400	400	0.45	HPG	33,200	-1,000	-0.663	HPG	33,200	7.47	250.2
MBB	21,550	650	0.44	MSN	80,000	-1,000	-0.363	VNM	128,000	1.42	180.9
GAS	90,800	700	0.42	NVL	68,100	-1,100	-0.312	VIC	101,700	1.02	103.2
PLX	58,000	600	0.24	VIC	101,700	-300	-0.299	BID	31,400	2.61	81.8

Top 5 Ngành Tăng			Top 5 Ngành Giảm		
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm		%	Điểm
Năng lượng	1.1%	0.30	Nguyên vật liệu	-1.3%	-0.53
Dịch vụ tiện ích	0.8%	0.47	Khác	-0.9%	-0.03
Tài chính	0.5%	1.22	Bất động sản	-0.7%	-1.76
TD không thiết yếu	0.3%	0.03	Công nghiệp	-0.2%	-0.22
TD thiết yếu	0.3%	0.38	CNTT	0.0%	0.00

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm			
HNX-Index	105	0.65	0.6%	SL CP tăng giá	101		
KLGD ('000 cổ phiếu)	29,199	2,268	8.4%	SL CP giảm giá	78		
GTGD (tỷ VND)	409	23	6.0%	SL CP không đổi	192		

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
ACB	29,800	300	0.38	DGC	50,200	-900	-0.04	ACB	29,800	2.97	88.4
SHB	7,500	200	0.21	NTP	41,900	-1,100	-0.03	VCG	18,500	4.51	84.9
PVS	19,300	500	0.12	NVB	10,300	-100	-0.03	PVS	19,300	4.37	83.5
OCH	7,000	600	0.06	SHN	9,000	-200	-0.02	HJS	26,000	2.05	53.3
VGC	16,400	200	0.04	DBC	26,200	-400	-0.02	SHB	7,500	2.63	19.5

Top 5 Ngành Tăng			Top 5 Ngành Giảm		
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm		%	Điểm
Dịch vụ tiện ích	46.6%	0.00			
TD thiết yếu	14.0%	-0.09			
TD không thiết yếu	11.3%	0.04			
CNTT	10.8%	0.01			
Bất động sản	8.7%	0.00			

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VNM	128,000	219.8	94.6	125.1
BID	31,400	29.9	15.8	14.1
GMD	27,700	13.6	0.0	13.6
VCB	55,400	22.7	9.1	13.6
PVD	15,850	13.5	0.0	13.5

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HPG	33,200	49.0	126.4	-77.4
VIC	101,700	10.1	69.8	-59.7
GAS	90,800	0.6	21.1	-20.5
NVL	68,100	1.3	16.3	-15.0
VRE	30,700	26.3	39.1	-12.8

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

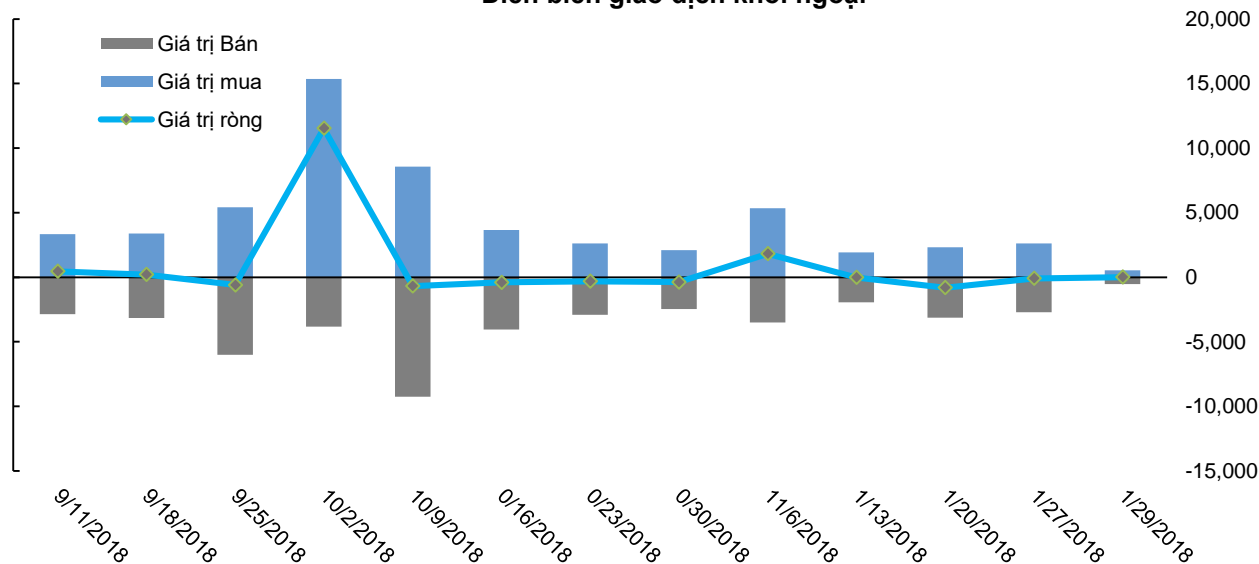
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	19,300	7.9	3.2	4.6
BVS	13,000	0.7	0.1	0.5
PMC	61,600	0.3	0.0	0.3
DXP	11,700	0.1	0.0	0.1
SED	19,000	0.1	0.0	0.1

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VCG	18,500	0.0	1.3	-1.3
WCS	126,700	0.0	0.0	0.0
VTC	9,900	0.0	0.4	-0.4
TNG	17,500	0.0	0.2	-0.2
PVX	1,100	0.0	0.1	-0.1

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 860-870

Kháng cự 1: 910

Hỗ trợ 2: 800-830

Kháng cự 2: 930



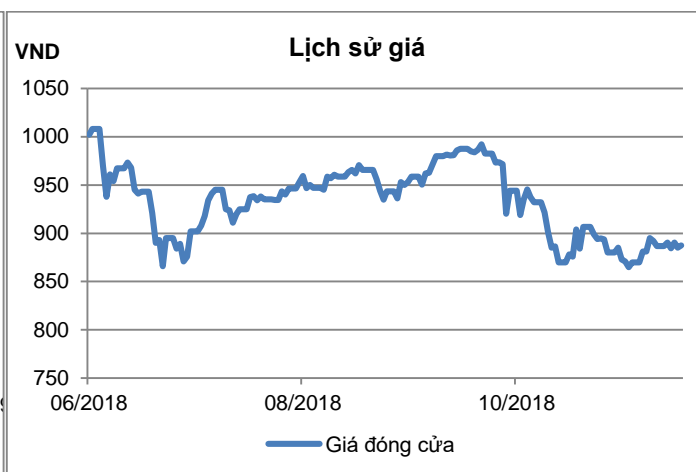
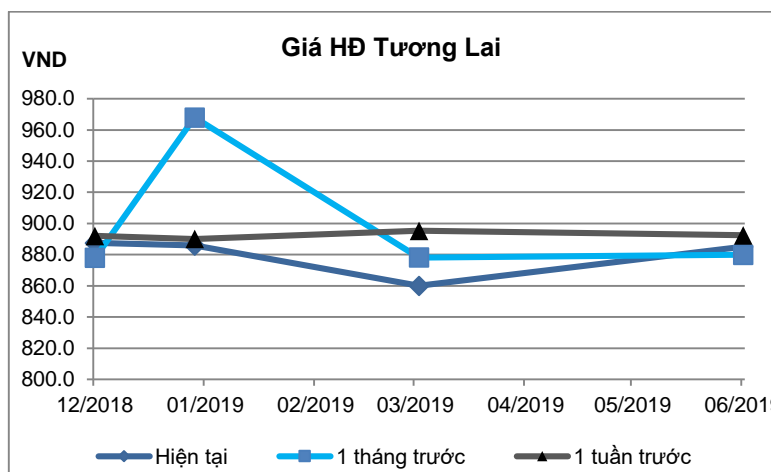
Nhận định xu hướng: VN30-Index giữ được trên MA (20) trong phiên hôm nay. Tuy nhiên, chỉ số đang hình thành tín hiệu đảo chiều giảm từ ngưỡng kháng cự 910 điểm nơi hội tụ đỉnh cũ đầu tháng 11 và ngưỡng 38.2% Fibonacci. Tín hiệu đảo chiều hôm nay đang cho tín hiệu cảnh báo về khả năng đảo chiều xu hướng hình thành từ đầu tháng 11/2018. Xu hướng sẽ rõ ràng hơn ở các phiên đầu tuần.

Chiến lược đầu tư: Giá hợp đồng VN30F1812 hồi phục khá tốt về cuối phiên từ ngưỡng 880.5 điểm. Theo đó, nhịp hồi phục trong xu hướng giảm sẽ tiếp tục. Mặc dù vậy, nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên lệnh Short ở nhịp hồi phục khi tín hiệu đảo chiều đã xuất hiện.

- Short VN30F1812 với điểm vào vùng 889-891 điểm. Mục tiêu giá 880 điểm. Mục tiêu xa hơn 860 điểm. Dừng lỗ 893.7 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	895	-2.8	-0.3%	40,276,100			
VN30F1812	888	-2.8	-0.3%	124,714	19,037	20/12/2018	20
VN30F1901	886	-4.1	-0.5%	365	275	17/01/2019	48
VN30F1903	860	-30.2	-3.4%	245	173	21/03/2019	111
VN30F1906	885	-4.2	-0.5%	86	140	20/06/2019	202



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	55,200	4,519	9.9	1.8	180	77%	98,500	51,200
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	79.2	1.3	647	55%	39,500	22,600
CTD	CTCP Xây dựng Cotecccons	Công nghiệp	1.2%	155,500	12,160	7.7	1.5	120	44%	233,100	120,400
CTG	NH TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.5%	23,000	85,638	11.1	1.2	4,423	30%	38,250	19,950
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.5%	82,000	10,721	20.3	3.7	166	49%	118,000	81,000
DPM	TCT CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.6%	21,600	8,453	14.5	1.1	545	21%	26,600	16,100
FPT	CTCP FPT	CNTT	3.5%	42,900	26,321	8.1	2.2	689	49%	56,957	38,500
GAS	TCT Khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	1.6%	90,800	173,787	14.0	4.1	482	3%	136,400	70,000
GMD	CTCP Gemadept	Công nghiệp	1.2%	27,700	8,225	4.4	1.4	1,236	49%	39,473	23,000
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	7.6%	33,200	70,514	7.7	1.8	5,239	39%	48,429	27,143
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.3%	6,620	2,548	6.2	0.5	4,938	16%	26,136	6,300
KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.5%	24,350	5,008	N/A	0.8	175	22%	45,800	24,300
MBB	NH TMCP Quân đội	Tài chính	4.6%	21,550	46,558	9.1	1.5	5,351	20%	31,471	18,782
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.5%	80,000	93,052	14.8	4.8	822	40%	118,000	66,000
MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.2%	84,500	36,368	13.0	4.5	671	49%	102,678	73,502

NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.9%	68,100	61,798	28.8	3.6	489	8%	78,800	46,565
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.2%	58,000	67,211	17.7	3.4	719	11%	95,500	51,800
PNJ	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.3%	92,100	14,933	17.0	4.4	481	49%	138,733	75,000
REE	CTCP Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.0%	31,800	9,860	6.3	1.1	519	49%	44,750	29,150
ROS	CTCP Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	0.9%	36,000	20,434	27.8	3.5	1,562	2%	151,417	35,000
SAB	TCT CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.3%	250,000	160,320	36.2	9.6	36	10%	347,000	193,800
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1.1%	21,100	10,453	24.3	1.7	3,038	11%	24,600	13,300
SSI	CTCP Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.5%	28,500	14,226	9.8	1.5	2,866	58%	44,400	24,850
STB	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.7%	12,150	21,914	16.3	0.9	7,922	12%	17,300	9,670
VCB	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	3.6%	55,400	199,316	16.5	3.2	1,424	21%	76,500	41,600
VIC	Tập đoàn Vingroup	Bất động sản	11.1%	101,700	324,588	74.4	5.9	879	9%	113,058	57,025
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	Công nghiệp	6.3%	131,000	70,951	13.8	6.7	680	24%	191,167	104,167
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	10.5%	128,000	222,902	25.6	8.8	900	59%	179,167	111,500
VPB	NH Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	20,800	51,100	7.4	1.7	4,103	23%	43,259	18,850
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.7%	30,700	71,495	47.5	2.7	1,828	31%	50,204	27,918

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
03/12/2018	KDM	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2018
03/12/2018	CTF	HSX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1.2)
04/12/2018	NLG	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (197 đ/cp)
04/12/2018	CSC	HNX	Trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 100%)
04/12/2018	SFG	HSX	Tạm ứng năm 2018 (800 đ/cp)
04/12/2018	VAF	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (500 đ/cp)
04/12/2018	DVP	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (2,500 đ/cp)
05/12/2018	GHC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,500đ/cp)
05/12/2018	CNC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp)
05/12/2018	AMV	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
05/12/2018	PTX	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
05/12/2018	IDV	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 15%)
05/12/2018	BBC	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2017 (200 đ/cp)
05/12/2018	SZL	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1,000 đ/cp)
06/12/2018	LAS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)
06/12/2018	CSV	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 (1,000 đ/cp)
07/12/2018	VHC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (2,000 đ/cp)
07/12/2018	SRC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (300 đ/cp)
07/12/2018	FTI	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
07/12/2018	SMB	HSX	Chi tạm ứng cổ tức năm 2018 (2,000 đ/cp)
07/12/2018	SJD	HSX	Chi trả cổ tức năm 2017 (4,500 đ/cp)
07/12/2018	HNI	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp)
07/12/2018	TTZ	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
07/12/2018	DAE	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,600đ/cp)
07/12/2018	BMP	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1,500 đ/cp)
07/12/2018	HND	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR
Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM
Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (+84 24) 3974 4448
Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định chế
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.